

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 31/12/2016

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý 4 Năm 2016	Quý 4 Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương	21	207,876	236,859	936,785	1,046,986
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	22	208,872	110,516	705,102	756,311
I	Thu nhập lãi thuần		(996)	126,343	231,683	290,675
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		16,498	10,887	117,934	85,777
4	Chi phí hoạt động dịch vụ		14,350	3,311	17,406	8,108
II	Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	23	2,148	7,576	100,528	77,669
III	Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	24	(1,537)	21,299	4,275	(12,844)
IV	Lãi/ lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	25	(10,748)	(13,054)	9,412	(11,190)
V	Lãi/ lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	26	42,736	3,162	10,497	817
5	Thu nhập từ hoạt động khác		119,156	600	125,746	880
6	Chi phí hoạt động khác		7,797	(39)	7,900	(39)
VI	Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động khác	27	111,359	639	117,846	919
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	28	17,100	5,880	32,191	24,499
VIII	Chi phí hoạt động	29	35,789	88,032	97,211	135,427
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		124,272	63,812	409,220	235,117
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		107,936	8,588	197,744	63,450
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế		16,336	55,224	211,476	171,667
7	Chi phí thuế TNDN hiện hành				45,967	36,761
XII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	30			45,967	36,761
XIII	Lợi nhuận sau thuế				165,509	134,906
XV	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	20			662	540

Người lập biểu

Phó Phòng kế toán

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2017

Tổng Giám đốc

Mai Danh Hiền

Nguyễn Luân



Bùi Xuân Dũng